

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

NGUYỄN ĐỨC TUYẾN*

Từ khóa: đồng tính, quyền của người đồng tính, quyền hôn nhân gia đình của người đồng tính, quyền bình đẳng của người đồng tính, công nhận giới tính của người đồng tính.

Ngày nhận bài: 08/01/2020; Ngày gửi phản biện: 09/01/2020; Ngày duyệt đăng bài: 09/4/2020.

Phần mở đầu

Đồng tính không phải là hiện tượng mới ở Việt Nam, trong lịch sử nước ta đã ghi nhận một số trường hợp đồng tính. Hiện tượng đồng tính có thể đã được người dân chú ý, nhưng trước đây, hiện tượng đồng tính không nhận được nhiều sự quan tâm của giới khoa học và quản lí, chỉ gần đây, hiện tượng đồng tính mới được bàn đến, nhận được nhiều sự quan tâm hơn.

Số người đồng tính ở Việt Nam được nhiều nhà khoa học dự tính khoảng 1,65 triệu người, tương đương với 2% dân số (năm 2012) (Nguyễn Thị Bích Hằng, 2014, tr. 76), cũng có những số liệu khác cho rằng có thể lên đến 3 triệu người. Những người đồng tính ở Việt Nam vẫn còn gặp sự phân biệt đối xử khi thể hiện bản chất của họ, khi họ tiếp cận việc làm và tham gia xã hội. Trong luật pháp, vấn đề đồng tính chưa được quan tâm đúng mức, nhiều văn bản pháp luật chưa chú ý hoặc bỏ qua vấn đề liên quan đến quyền của nhóm này, gây cho người đồng tính những khó khăn trong việc thực hiện quyền bình đẳng của mình. Trong xã hội, người đồng tính thường chịu sự kì thị khi tham gia xã hội. Ngay cả ở trong gia đình của mình, người đồng tính cũng gặp nhiều ngăn cản trong việc thể hiện bản chất và mưu cầu hạnh phúc.

Với mục đích phát hiện những khó khăn, trở ngại mà người đồng tính gặp phải trong việc thực hiện quyền của mình, bài viết tập trung phân tích ba quyền cơ bản liên quan nhiều đến người đồng tính, đó là: quyền được công nhận giới tính, quyền hôn nhân và gia đình, quyền được đối xử bình đẳng.

1. Một số khái niệm cơ bản

Đồng tính dùng để chỉ người có xu hướng tính dục đồng giới, gồm người đồng tính nam (Gay) và đồng tính nữ (Lesbian). Tuy nhiên trong thực tế, người chuyển giới (Transgender/transsexual), song giới (Bisexual) cũng thường gặp những vấn đề

* ThS.; Viện Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

tương tự với người đồng tính, vì thế các nhà khoa học nước ngoài thường gộp họ vào một nhóm để nghiên cứu, gọi là nhóm LGBT (là cụm từ viết tắt các chữ cái đầu của Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender/transsexual). Tương tự thể giới, nhiều nhà khoa học Việt Nam và tác giả bài viết này, cũng sử dụng thuật ngữ *người đồng tính* để chỉ nhóm người đồng tính nam, đồng tính nữ, song giới và chuyển giới.

Giới tính sinh học - là xếp loại vào giới tính nào đó do các yếu tố sinh học như bộ phận sinh dục, gen sinh học,... quy định.

Xu hướng tính dục: là sự hấp dẫn có tính bền vững về tình cảm hoặc tình dục hướng tới người khác. Xu hướng tính dục có thể được chia thành: Dị tính (thấy hấp dẫn bởi người khác giới); Đồng tính (thấy hấp dẫn bởi người cùng giới); Song tính (thấy hấp dẫn bởi cả hai giới); và Vô tính (không thấy hấp dẫn tình dục) (Trung tâm nghiên cứu khoa học, 2013, tr. 3 - 4; Trương Hồng Quang, 2012; Nguyễn Thị Bích Hằng, 2014;...).

Xu hướng tính dục nói về tình cảm tình dục nên có thể không đồng nghĩa với thực tế hoạt động tình dục của một người tại một thời điểm. Có những người, trong một hoàn cảnh nào đó họ có hoạt động tình dục đồng giới (ví dụ: hoạt động tình dục đồng giới ở trong nhà tù, mại dâm đồng giới,...) mà không phải do người đó bị hấp dẫn về tình dục đồng giới, thì những người này không được gọi là đồng tính.

2. Một số khó khăn gặp phải trong việc thực hiện quyền của người đồng tính

2.1. Quyền của những người đồng tính trong các văn bản quốc tế

Việc đảm bảo quyền của người đồng tính được đề cập trong một số văn kiện, hiệp ước, hiệp định quốc tế. Lời nói đầu của Hiến chương Liên hợp quốc (1945) đã nêu rằng các quyền cơ bản, phẩm chất và giá trị của con người là bình đẳng, không có bất kì sự phân biệt nào; Tuyên ngôn quốc tế về Quyền con người (UDHR, 1948) khẳng định mọi người sinh ra đều bình đẳng về quyền và được bảo vệ về nhân phẩm (Điều 1). Nguyên tắc không phân biệt còn được ghi nhận trong Công ước quốc tế về Quyền Chính trị và Dân sự 1966 (ICCPR) và Công ước quốc tế về Quyền văn hóa, Xã hội và Kinh tế 1966 (ICESCR). Theo nguyên tắc này, các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người mà không có bất kì sự phân biệt đối xử và kì thị nào, trong đó bao gồm yếu tố “xu hướng tính dục” và “bản dạng giới” (Vũ Công Giao, 2018, tr. 8 - 9).

Trong những năm gần đây, nhiều văn bản quốc tế đã được thông qua đề cập trực tiếp đến vấn đề tự do tính dục, quyền của người LGBT: Tuyên bố về *Xu hướng tính dục và quyền con người* được Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3/2005; *Tuyên bố chung về những vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới* được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 12/2006; *Tuyên bố chung về quyền con người, xu hướng*

tính dục và bản dạng giới được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào ngày 18/12/2008; *Tuyên bố chung về việc chấm dứt các hành động bạo lực và vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới* được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3/2011; *Nghị quyết về “Quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới”* được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua tháng 6/2011;... (Vũ Công Giao, 2018, tr. 9 - 10).

Như vậy, thế giới, Liên hợp quốc đã có rất nhiều văn bản gián tiếp hoặc trực tiếp bảo vệ quyền bình đẳng đối với người đồng tính; tuy nhiên, sự thi hành và luật pháp về quyền của người đồng tính thì có sự khác nhau ở các nước.

Trong pháp luật Việt Nam, chưa có quyền nào dành riêng cho người đồng tính. Những vấn đề đồng tính thường không được đề cập trong nhiều văn bản luật pháp, chỉ một số ít văn bản nhắc đến một cách sơ qua về vấn đề này.

Trên thực tế, người đồng tính ở các nước trên thế giới và Việt Nam thường chưa được đối xử bình đẳng, tuy nhiên, mỗi nước có mức độ bất bình đẳng khác nhau, đáng chú ý là ba loại bất bình đẳng phổ biến đối với người đồng tính trên thế giới và Việt Nam: quyền được công nhận giới tính, quyền hôn nhân và gia đình, quyền được đối xử bình đẳng.

2.2. Quyền được công nhận giới tính

Thế giới đã có một số nước công nhận giới tính theo xu hướng tính dục. Việc xác định lại giới tính ở những nước này là phù hợp pháp luật, cho dù cá nhân đó có hay không phẫu thuật chuyển giới (Vũ Công Giao, 2018, tr. 7), thậm chí có nước đơn giản đến mức “không bắt buộc người nộp đơn phải tự mình đến trình bày” (Lã Khánh Tùng, 2018, tr. 42) và châu Âu là nơi phổ biến nhất: “Hầu hết các quốc gia châu Âu cho phép thay đổi giới tính theo mong muốn và đi kèm là quyền phải thừa nhận giới tính mới trên giấy tờ nhân thân” (Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và môi trường - ISEE, 2014, tr. 10). Nước Anh là nơi mà “quyền của công dân Anh thuộc nhóm LGBT được bảo vệ gần như tốt nhất ở châu Âu và trên thế giới” (Lã Khánh Tùng, 2018, tr. 40).

Quyền thay đổi giới tính hiện nay đã tương đối phổ biến trên thế giới. “Theo thống kê của trang Equaldex, tính đến tháng 12/2016, có 60 quốc gia đã hợp pháp hóa quyền chuyển đổi giới tính, 95 quốc gia chưa hợp pháp hóa nhưng cũng không cấm (somewhere in between), 58 quốc gia vẫn cấm việc chuyển đổi giới tính” (Vũ Công Giao, 2018, tr. 13). “Chỉ một số ít nước mặc dù cho phép thay đổi giới tính nhưng lại không cho phép thay đổi giấy tờ nhân thân” (ISEE, 2014, tr. 13).

Đối với người không xác định được mình là nam hay nữ, trên thế giới đã có một số phương án: một số nước cho phép người dân chọn giới tính khác ngoài nam và nữ, ví dụ giới tính “X” ở Úc (2011), New Zealand, Đức (2012) hoặc để trống

(ISEE, 2014, tr. 13). Tuy nhiên, những người này thường gặp nhiều rắc rối khi đi du lịch, đi lại ra nước ngoài vì nhiều nước trên thế giới chưa công nhận/phổ biến điều này.

Năm 2015, Việt Nam đã công nhận việc xác định lại giới tính, cho phép chuyển giới, tuy nhiên, việc công nhận giới tính, chuyển giới phải kèm theo những quy định chặt chẽ về y học. Theo Bộ luật Dân sự (2015), Điều 36. Quyền xác định lại giới tính, Khoản 1 quy định: “Việc xác định lại giới tính của một người được thực hiện trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ giới tính”; Nghị định về xác định lại giới tính số 01/VBHN-BYT, ngày 30/01/2019 cấm các hành vi: “Điều 4. Hành vi bị nghiêm cấm: Thực hiện việc chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính”. Như vậy, luật không cho phép những người có xu hướng tính dục đồng giới (cơ thể hoàn thiện theo hướng giới tính này nhưng xu hướng tình dục lại là của giới tính khác) được tự mình thực hiện phẫu thuật chuyển giới để cho phù hợp với giới tính mong muốn và cũng không công nhận giới tính theo xu hướng tình dục.

Việc thay đổi tên trong giấy tờ tùy thân (giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước,...) cũng rất nguyên tắc: Điều 28 (Bộ luật Dân sự, 2015). Quyền thay đổi họ, tên, điểm e cho phép: “Thay đổi tên của người đã xác định lại giới tính, người đã chuyển đổi giới tính”. Như vậy, luật không cho phép những người chưa chuyển đổi giới tính, người chưa được xác định lại giới tính được đổi tên. Điều này phần nào ảnh hưởng đến sự tiếp cận dịch vụ xã hội của một số người đồng tính, ví dụ, tên gọi trong giấy tờ tùy thân thể hiện giới tính nữ nhưng bề ngoài trông như nam giới, khiến cho họ hay bị nghi ngờ trong các giao dịch dân sự, nhất là khi làm các thủ tục ở sân bay, hoặc quá cảnh biên giới.

Ngoài ra, trong phần kê khai giới tính ở nhiều văn bản, giấy tờ ở Việt Nam phổ biến đưa ra 2 giới tính *nam* và *nữ*; chưa có văn bản, giấy tờ nào công nhận/cho phép giới tính khác. Hệ lụy của việc không công nhận giới tính đối với người đồng tính gây ảnh hưởng đến sự riêng tư của người đồng tính trong việc giải quyết một số vấn đề.

Quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự,... việc khám xét người cần căn cứ vào giới tính của người bị khám, nam khám nam, nữ khám nữ; việc tù giam cũng nam ở với nam, nữ ở với nữ, thực tiễn cho thấy, khi áp dụng các biện pháp đã gây một số khó khăn cho người đồng tính. Theo số liệu khảo sát 219 người về nhu cầu pháp lý của người chuyển giới (phỏng vấn trực tiếp người chuyển giới tại Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Hà Nội từ ngày 08 - 13/09/2014 và qua bảng hỏi trực tuyến từ ngày 22 - 28/09/2014, do (ISEE-UNDP-USAID, 2014) thực hiện, khi bị tạm giam/giữ hoặc bị tù giam, 42,9% người chuyển giới nữ đã từng

bị giam/giữ chung với người nam, 58% ý kiến muốn ở khu riêng và 38% muốn ở khu nữ (ISEE, 2014, tr. 10).

Việc xử lý vi phạm, điều tra đối với người đồng tính gặp nhiều khó khăn. Theo Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm năm 2003, bán dâm là hành vi giao cấu của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác; mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cấu. Như vậy, hoạt động mua bán dâm diễn ra là giữa những người khác giới. “Trên thực tế, chúng ta không thể xử lý người môi giới hoặc chứa mại dâm đồng giới, người mua dâm chưa thành niên đồng giới về các tội phạm tương ứng như chứa mại dâm (Điều 254 Bộ luật Hình sự), tội môi giới mại dâm (Điều 255 Bộ luật Hình sự) hoặc tội mua dâm người chưa thành niên (Điều 256 Bộ luật Hình sự) vì giữa họ *không có hành vi giao cấu*” (Thái Thị Tuyết Dung, 2013).

Trong Luật nghĩa vụ quân sự (2015), Điều 6, Điều 7 quy định rõ nam công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Điều này gây khó khăn cho người đồng tính, ví dụ, giới tính của họ trong giấy tờ là nam giới, nhưng xu hướng tình dục lại là nữ, thì việc ăn mặc, cử chỉ, sinh hoạt của họ là nữ,... trước tiên gây khó khăn cho họ, sau đó gây ảnh hưởng đến những người cùng đơn vị trong sinh hoạt, luyện tập.

Luật pháp Việt Nam không ngăn cản việc người đồng tính tiếp cận việc làm, nhưng thực tế vẫn khó khăn. Có nhiều doanh nghiệp ưu tiên tuyển nam (hoặc nữ), như vậy đã vô hình trung loại người đồng tính khỏi nhiều việc làm trên thị trường lao động ở một số công việc.

Việc khám, chữa bệnh cũng có những lúc gây ảnh hưởng đến người đồng tính. Nhiều người vì e ngại phải đưa ra bảo hiểm y tế với giới tính khác với biểu hiện giới tính của họ mà ngại ngần trong việc khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế (Nguyễn Thị Phương Châm, Vũ Công Giao, 2018, tr. 112).

Trong các văn bản pháp luật khác như: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới,... cũng chỉ đề cập hai giới tính cơ bản là nam và nữ. Việc không đề cập đến người đồng tính làm ảnh hưởng đến họ trong việc làm và cuộc sống.

2.3. Quyền hôn nhân và gia đình

Trên thế giới, đã có nhiều nước công nhận hôn nhân của người đồng tính. Năm 2012, tác giả Trương Hồng Quang cung cấp danh sách các quốc gia công nhận kết hôn đồng giới với nhiều mức công nhận khác nhau: từ mức cho phép tranh luận về đăng ký cặp đôi, đến mức công nhận một phần và toàn bộ quyền của người đồng tính trong hôn nhân. Tác giả cũng cho biết số lượng quốc gia, vùng lãnh thổ công nhận kết hôn đồng giới “có xu hướng tăng dần trong những năm qua, tập trung chủ yếu ở các nước phương Tây” (Trương Hồng Quang, 2012).

Các nước đã công nhận hôn nhân đồng giới thường phải trải qua quá trình công nhận từ từng phần đến công nhận hoàn toàn quyền hôn nhân của người đồng tính, kèm theo những quy định về mối quan hệ, trách nhiệm, quyền lợi của hôn nhân. Nguyên nhân trải qua quá trình dài, từ công nhận từng phần đến công nhận toàn bộ có thể là “do các nhà lập pháp không muốn thay đổi định nghĩa hôn nhân là giữa một nam và một nữ. Bên cạnh đó, các nhà lập pháp cũng muốn có một bước đệm, một khoảng thời gian chuyển tiếp để xã hội có thể thay đổi quan niệm về hôn nhân là giữa nam và nữ...” (Trung tâm nghiên cứu khoa học, 2013, tr. 8).

Năm 2013, theo báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu khoa học (thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội), có 15 quốc gia và 23 vùng lãnh thổ công nhận hôn nhân đồng tính (Trung tâm Nghiên cứu khoa học, 2013, tr. 7). Năm 2017, theo Hữu Nguyên, số quốc gia công nhận hôn nhân đồng tính lên đến 25, phần lớn trong danh sách này có tên các nước châu Âu, không thấy có nước nào ở châu Á; đối với hôn nhân đồng giới, thời điểm công nhận của các nước này khác nhau, mức độ công nhận các vấn đề liên quan cũng khác nhau, quá trình đấu tranh/quá trình bàn luận để đi đến thống nhất cũng khác nhau (Hữu Nguyên, 2017).

Ở Việt Nam, quy định về hôn nhân giữa những người đồng tính cũng có những bước chuyển. Hôn nhân đồng giới trước đây bị cấm, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 của Việt Nam đã quy định “Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng” (Khoản 2, Điều 8); và ghi rõ những trường hợp cấm kết hôn, trong đó có trường hợp giữa những người cùng giới tính (Khoản 5, Điều 10). Sau đó, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã xóa bỏ quy định cấm kết hôn đồng giới, nhưng vẫn chưa công nhận: “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” (Điều 8). Từ việc không thừa nhận kết hôn đồng giới, Nhà nước không thực hiện việc đăng ký kết hôn cho các cặp đôi đồng tính và những vấn đề liên quan đến việc kết hôn đó.

Người đồng tính cũng có nhu cầu kết hôn, lập gia đình. Kết quả khảo sát trực tuyến do Viện ISEE thực hiện năm 2013 với gần 3.000 người đồng tính cho thấy, hơn 80% người đồng tính mong muốn được cha mẹ chấp nhận cuộc hôn nhân của họ (Trung tâm nghiên cứu khoa học, 2013, tr. 16); Khảo sát 219 người chuyển giới (ISEE-UNDP-USAID, 2014) thì 95,8% người trả lời muốn được quyền kết hôn với người yêu, trong đó tới 78,3% muốn được kết hôn ngay cả khi không thay đổi được giới tính trên giấy tờ (ISEE, 2014, tr. 10).

Sau năm 2015, khi luật không cấm kết hôn đồng tính, đã có những cặp đôi đồng tính tổ chức công khai kết hôn. Những đám cưới như vậy nhận được nhiều sự chú ý của dư luận, tuy không có hoạt động ngăn cản từ phía chính quyền, nhưng họ vẫn gặp phải nhiều thái độ không thiện cảm trong cộng đồng. Do luật

không ngăn cản, cũng không công nhận hôn nhân đồng tính, việc vi phạm vấn đề hôn nhân của những cặp đôi đồng tính luật pháp cũng không can thiệp. Như vậy, việc vi phạm chế độ hôn nhân, như ngoại tình, việc tranh chấp về tài sản,... nếu xảy ra giữa các cặp đồng tính sẽ rất khó giải quyết.

Người đồng tính cũng có nhu cầu sinh con, nuôi con. Trong cuộc khảo sát qua mạng internet do ISEE thực hiện trong năm 2013 với gần 3.000 người đồng tính trả lời về *mong muốn có con*, kết quả trong nhóm người trả lời thuộc độ tuổi kết hôn và hiện đang có quan hệ đồng tính như sau: 61% mong muốn có con trong tương lai, 9% không muốn có con, 30% còn lại chưa nghĩ hoặc chưa tính đến việc này” (Trung tâm nghiên cứu khoa học, 2013, tr. 13). Luật không can thiệp vào trường hợp sinh con hoặc nhận con nuôi của đôi vợ chồng đồng tính, kéo theo là không can thiệp vào những vấn đề về quyền nuôi con, chăm sóc con, thừa kế tài sản giữa vợ và chồng đồng tính, thừa kế tài sản cho con,... những vấn đề này cũng trở nên khó giải quyết khi có những tranh chấp, kiện tụng.

Một hậu quả không nhỏ của việc không thừa nhận hôn nhân đồng tính là đã có rất nhiều người đồng tính do muốn tránh bị kì thị, đã phải tạo vỏ bọc cho mình. Ví dụ người đồng tính nữ phải lập gia đình và có con với người đàn ông, sau đó mới tìm đến hạnh phúc cho riêng mình bằng cách li dị chồng hoặc duy trì những mối quan hệ bên ngoài với người đồng tính. Những việc làm này thường dẫn đến những hậu quả không đáng có cho họ và cũng ảnh hưởng đến cộng đồng.

2.4. Quyền được đối xử bình đẳng

Trong các văn bản quốc tế, quyền bình đẳng của người đồng tính được coi trọng, quy tắc này thể hiện ở Tuyên ngôn quốc tế về Quyền con người (1948), Điều 1: “Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi”, Điều 2 quy định: “Ai cũng được hưởng những quyền tự do ghi trong bản Tuyên ngôn này không phân biệt đối xử vì bất cứ lí do nào” và khẳng định cụ thể: “bất cứ thân trạng nào khác”. Nguyên tắc không phân biệt về giới tính tiếp tục được ghi nhận ở Điều 2 khoản 1, Điều 4 khoản 1, Điều 24 khoản 1, Điều 26 của Công ước quốc tế về Quyền Chính trị và Dân sự (1966). Và nguyên tắc không phân biệt về giới tính cũng được tìm thấy ở một số văn bản quốc tế khác.

Quan niệm y học đối với vấn đề đồng tính của một số nước trên thế giới đã cho thấy một sự chuyển đổi mạnh mẽ. Nhiều nước trước đây coi đồng tính luyến ái là bệnh tâm thần; đến những năm cuối thế kỉ XX, khoa học đã khẳng định đồng tính luyến ái không phải là bệnh, từ đó, nhiều nước lần lượt loại bỏ đồng tính luyến ái khỏi danh sách bệnh tâm thần, và nhất là không ép buộc phải chữa bệnh này (Trương Hồng Quang, 2012). Đến năm 2013, Liên hợp quốc tuyên bố lên án việc phẫu thuật để “bình thường hóa” (chỉnh sửa lại cơ thể) người liên giới tính

mà không có sự đồng ý của họ (ISEE, 2014, tr. 8). Thậm chí, ở nhiều nước, bố mẹ không được phép can thiệp vào việc chữa trị, phẫu thuật giới tính của con nhỏ. Việc bố mẹ can thiệp vào cơ thể của đứa trẻ liên giới tính là hành vi bị cấm ở nhiều quốc gia. Khoa học cho biết, việc phẫu thuật đứa trẻ liên giới tính khi còn nhỏ gây hại nhiều hơn là giúp ích cho chúng. Năm 2013, Liên hợp quốc lên án việc phẫu thuật nhằm “bình thường hóa” đứa trẻ liên giới tính mà không có sự đồng ý của trẻ (ISEE, 2014, tr. 8).

Ở Việt Nam, chưa có luật về bình đẳng đối với người đồng tính và luật pháp cũng không có quy định bắt buộc phải chữa trị những người liên quan đến đồng tính, nhưng quan niệm người dân vẫn mặc cảm, cho rằng người đồng tính là người có bệnh. Người đồng tính nói chung bị một số người coi là nam không phải nam, nữ cũng không phải nữ, và coi đó là mắc bệnh về tâm lý hoặc cơ thể. Ngay cả các bậc cha mẹ nhiều người cũng quan niệm rằng đó là bệnh. Theo một nghiên cứu của ISEE (với 2.363 người trả lời trực tuyến), 62,9% người LGBT bị cha mẹ ép thay đổi ngoại hình, cử chỉ; 60,2% bị la mắng, gây áp lực; khoảng 13 - 14% bị các hành vi bạo lực như bị nhốt, cầm giữ, ép buộc hay gợi ý rời khỏi gia đình, bị đánh đập,... (Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương, 2016, tr. 14); nhiều cha mẹ tìm cách chữa chạy, dạy bảo, cấm đoán và thậm chí dùng vũ lực trong việc giáo dục con cái, có những trường hợp cha mẹ mắng chửi, đánh con, trói, xích, bỏ đói hoặc đưa con đi bệnh viện tâm thần điều trị vì cho rằng làm những việc đó là tốt cho con mình (Phạm Thu Hoa, Đồng Thị Yến, 2015). Đến các bác sĩ, nhiều bác sĩ còn khuyến khích gia đình phẫu thuật giới tính cho con “càng sớm càng tốt” để tránh cho con bị mặc cảm về sau (ISEE, 2014, tr. 8).

Ngoài vấn đề về ép buộc chữa bệnh, người đồng tính còn gặp phải nhiều vấn đề trong cuộc sống. Khi gia nhập thị trường lao động, người đồng tính gặp rất nhiều khó khăn. Trong việc làm, nhiều người đồng tính khi thể hiện giới tính mong muốn của mình lại chịu sự dèm pha, xa lánh của những người làm cùng, khó hợp tác với những đồng nghiệp, hoặc bị kì thị vì là người đồng tính,... từ đó công việc không được thuận lợi, khó đạt được các cơ hội thăng tiến, thậm chí gây cho họ tình trạng mất việc. Nhiều người đồng tính để tránh bị kì thị đã phải tự tạo việc làm, hoặc không dám lựa chọn những công việc ưa thích mà phải vào làm những công việc không phù hợp, đây là sự bất công đối với người đồng tính trong tiếp cận thị trường lao động. Nhiều bài báo in, báo mạng viết về khó khăn mà người đồng tính gặp phải và sự lúng túng của những người sử dụng lao động trong vấn đề giải quyết/bổ trí việc làm cho người đồng tính.

Về hình ảnh người đồng tính trên truyền thông đại chúng. Năm 2018, một bài báo đăng trên trang web Tiền Phong vẫn đưa ra nhận xét: người đồng tính bị kì thị

một phần do lỗi của truyền thông, bài báo đưa ra tổng kết của một nhà nghiên cứu: “không thể có chuyện xóa kì thị với cộng đồng LGBT trong khi cả hệ thống truyền thông ở Việt Nam lẫn phim ảnh, sách báo đều nói về họ như là một sự trái tự nhiên, dị mọ”; tuy nhiên, bài báo cũng cho thấy sự thay đổi từ năm 2016, khi mà đã có một loạt phim ảnh mà trong đó “không hề có người đồng tính nào “có vẻ bệnh hoạn” chỉ vì xu hướng tình dục của họ khác người dị tính” (Hạnh Đỗ. 2018).

Về tên gọi, nhóm người đồng tính cũng thường bị gán với các tên gọi như là ái, pêđê, bóng,... Các tên gọi này thường có ý phân biệt, miệt thị nhóm người này. Những cách gọi như vậy làm cho người đồng tính càng bị xa lánh và ảnh hưởng đến việc thể hiện mình ở cộng đồng thân thuộc và nơi công cộng.

Trong cộng đồng, không phải người đồng tính nào cũng bị kì thị giống nhau. Trong số những người đồng tính, người nữ thể hiện giới tính nam đỡ bị kì thị hơn, người chuyển giới từ nam sang nữ gặp nhiều sự kì thị hơn cả, có thể là vì xã hội Việt Nam vẫn coi trọng nam giới, những người nam giới thể hiện giới tính nữ như vậy là mất hình ảnh đàn ông, một hình ảnh được coi trọng trong xã hội gia trưởng.

3. Kết luận

Người đồng tính còn gặp những hạn chế trong việc hưởng quyền được công nhận trong cộng đồng, quyền hôn nhân và gia đình, quyền bình đẳng trong cuộc sống một phần do sự kì thị của cộng đồng và sự bất cập của luật pháp. Ngay cả các bậc cha mẹ nhiều khi còn chưa nhận thức được thực chất các vấn đề của người đồng tính, từ đó gây ra những ép buộc, ngăn cản người đồng tính hưởng thụ các quyền con người và sống đúng với bản chất của họ. Những hạn chế, ép buộc như vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt, lao động cũng như mưu cầu hạnh phúc của người đồng tính.

Tuy nhiên, việc xóa bỏ những vi phạm về quyền đối với người đồng tính là một việc làm khó khăn, cần nhiều thời gian và sự nỗ lực từ nhiều phía. Trước mắt, luật pháp cần điều chỉnh, sửa đổi để tạo sự bình đẳng đối với người đồng tính, nhất là các luật liên quan đến các quyền bình đẳng trong cuộc sống, việc làm, hôn nhân của người đồng tính. Bên cạnh đó, cần có các hoạt động tuyên truyền để xóa bỏ quan điểm kì thị của cộng đồng đối với người đồng tính, nhất là chính các bậc cha mẹ có con là người đồng tính.

Cần phổ biến kết quả khoa học về vấn đề của người đồng tính để nâng cao hiểu biết về người đồng tính, nhất là hiểu biết về những khó khăn, trở ngại của họ. Việc phổ biến các kết quả khoa học sẽ giúp cho những người làm chính sách, cộng đồng và gia đình người đồng tính có cách nhìn đúng đắn hơn, phù hợp hơn, từ đó giảm bớt sự bất bình đẳng cho người đồng tính. Bên cạnh đó, người đồng tính cũng cần phải nói lên tiếng nói của mình để tự bảo vệ quyền lợi của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Phương Châm, Vũ Công Giao (chủ biên). 2018. “Pháp luật Nhật Bản liên quan đến thay đổi giới tính - lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm đối với Việt Nam”. Kỉ yếu hội thảo khoa học: *Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về pháp luật chuyển đổi giới tính và bài học cho Việt Nam*. ISEE, Oxfam. Hà Nội.
2. Thái Thị Tuyết Dung. 2013. “Bảo đảm quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và vấn đề sửa đổi hiến pháp”. Tạp chí *Khoa học Pháp lý*. Số chuyên đề về sửa đổi Hiến pháp năm 2013, (<https://luathinhhsusite.wordpress.com/2016/09/02/bao-dam-quyen-cua-nguoi-dong-tinh-song-tinh-chuyen-gioi-va-van-de-sua-doi-hien-phap/>).
3. Hạnh Đỗ. 2018. “Người đồng tính bị kỳ thị, một phần là lỗi truyền thông”, (<https://www.tienphong.vn/gioi-tre/nguoi-dong-tinh-bi-ky-thi-mot-phan-la-loi-truyen-thong-1259458.tpo>).
4. Vũ Công Giao. 2018. “Khái quát pháp luật về chuyển đổi giới tính trên thế giới và ở Việt Nam”. Kỉ yếu hội thảo khoa học: *Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về pháp luật chuyển đổi giới tính và bài học cho Việt Nam*. ISEE, Oxfam. Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Bích Hằng. 2014. “Đồng tính luyến ái trong giới trẻ hiện nay”. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5(78).
6. Phạm Thu Hoa. Đồng Thị Yến. 2015. “Định kiến, kì thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam”. Tạp chí *Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, tập 31, số 5.
7. Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương, ISEE. 2016. *Có phải bởi vì tôi là LGBT?: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. Nxb. Hồng Đức. Hà Nội.
8. ISEE. 2014. “Phân tích chính sách pháp luật về người chuyển giới: Câu chuyện tại Việt Nam, những lo ngại và kinh nghiệm quốc tế”. ISEE. Hà Nội.
9. ISEE, Khoa Xã hội học - Học viện Báo chí và Tuyên truyền. 2011. *Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng*. Nxb. Thế giới. Hà Nội.
10. Hữu Nguyên. 2017. “Đây là 25 quốc gia trên thế giới công nhận hôn nhân đồng tính”, (<https://dantri.com.vn/doi-song/day-la-25-quoc-gia-tren-the-gioi-cong-nhan-hon-nhan-dong-tinh-2017112208522007.htm>).
11. Trương Hồng Quang. 2012. “Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về quyền của người đồng tính”, (<https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/phap-luat-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-ve-quyen-cua-nguoi-dong-tinh-6380/>).
12. Trung tâm Nghiên cứu khoa học (Viện Nghiên cứu Lập pháp thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội). Chuyên đề thông tin: “Hôn nhân đồng giới: Kinh nghiệm một số nước và thực tế ở Việt Nam”. Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hà Nội.
13. Lê Khánh Tùng, Vũ Công Giao (chủ biên). 2018. “Pháp luật về chuyển giới của Anh quốc”. In trong Kỉ yếu hội thảo khoa học: *Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về pháp luật chuyển đổi giới tính và bài học cho Việt Nam*. ISEE, Oxfam. Hà Nội.